

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYỀN QUANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	07
Thuyết minh Báo cáo tài chính	08 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần khoáng sản Tuyên Quang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Trần Huy Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thế Tuyên	Thành viên
Bà Lý Thị Hải Thảo	Thành viên
Ông Trần Xuân Dũng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Thế Tuyên	Giám đốc
Ông Trần Huy Dũng	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Bà Phạm Thu Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Hoàng Ngọc Long	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Tạ Phương Thủy	Thành viên Ban kiểm soát

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Thế Tuyên

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần khoáng sản Tuyên Quang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần khoáng sản Tuyên Quang, được lập ngày 22/03/2021, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Tuyên Quang tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Thế Hùng
Tổng Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1604-2018-047-1
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC



Phạm Thị Khánh Hòa
Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3399-2020-047-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		30.935.510.575	33.931.351.121
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.787.291.349	12.269.683.295
1. Tiền	111	V.1	8.787.291.349	12.269.683.295
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		674.066.666	1.631.906.188
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	814.609.145	1.785.359.422
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	35.149.957	22.239.202
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(175.692.436)	(175.692.436)
IV- Hàng tồn kho	140		21.134.624.080	19.419.313.841
1. Hàng tồn kho	141	V.5	21.134.624.080	19.419.313.841
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		339.528.480	610.447.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	24.205.945	93.395.179
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		315.322.535	230.866.518
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	286.186.100
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		19.584.431.950	21.253.895.749
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		514.767.939	514.767.939
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	514.767.939	514.767.939
II- Tài sản cố định	220		14.955.616.924	16.055.616.304
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	14.955.616.924	16.055.616.304
- Nguyên giá	222		63.014.222.925	63.865.651.496
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.058.606.001)	(47.810.035.192)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		1.377.090.894	1.377.090.894
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.377.090.894)	(1.377.090.894)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		4.114.047.087	4.683.511.506
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	4.114.047.087	4.683.511.506
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		50.519.942.525	55.185.246.870

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		15.936.828.633	20.196.665.478
I- Nợ ngắn hạn	310		15.936.828.633	20.196.665.478
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	5.060.006.060	3.800.771.975
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.2	-	88.131.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	3.149.957	599.104
4. Phải trả người lao động	314		-	460.767.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	140.428.770	139.961.506
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.12	47.878.854	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	622.990.794	17.481.295
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	10.000.000.000	15.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		62.374.198	688.952.798
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		34.583.113.892	34.988.581.392
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.15	34.583.113.892	34.988.581.392
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.444.879.555	14.444.879.555
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.861.765.663)	(4.456.298.163)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.019.604.364)	(5.474.950.697)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		157.838.701	1.018.652.534
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		50.519.942.525	55.185.246.870

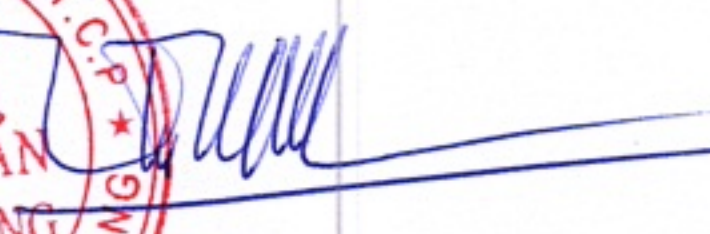
Tuyên Quang, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng


Lý Thị Hải Thảo

Giám đốc




Nguyễn Thế Tuyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	72.751.358.215	72.632.609.957
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	107.389.781	108.825.700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		72.643.968.434	72.523.784.257
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	62.127.957.792	59.740.327.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.516.010.642	12.783.456.977
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	18.180.824	18.452.402
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	70.268.496	111.604.659
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		70.268.496	111.604.659
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	9.416.365.859	9.377.881.704
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.663.679.317	3.384.546.313
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(616.122.206)	(72.123.297)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	774.047.214	1.217.738.114
12. Chi phí khác	32		86.307	126.962.283
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		773.960.907	1.090.775.831
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		157.838.701	1.018.652.534
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		157.838.701	1.018.652.534
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	63,14	407,46

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lý Thị Hải Thảo

Nguyễn Thế Tuyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 03-DN

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		80.758.627.451	81.497.045.928
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(68.331.214.498)	(69.568.561.769)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.290.627.700)	(10.956.297.546)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(78.898.632)	(107.810.139)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(250.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		787.544.215	112.352.631
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.464.186.417)	(6.818.546.907)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.381.244.419	(6.091.817.802)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(29.816.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		136.363.635	823.762.909
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		136.363.635	793.946.209
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.500.000.000	32.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.500.000.000)	(24.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.000.000.000)	7.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3.482.391.946)	2.202.128.407
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	12.269.683.295	10.067.554.888
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	8.787.291.349	12.269.683.295

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Lý Thị Hải Thảo

Giám đốc



Nguyễn Thế Tuyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Khoáng sản Tuyên Quang tiền thân là Công ty khai thác, chế biến Barite Tuyên Quang, được cổ phần hóa theo Quyết định số 869/2004/QĐ-CT ngày 20/07/2004 của chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang. Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5000225771 đăng ký lần đầu ngày 15/08/2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tuyên Quang cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng)

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón Chi tiết: Khai thác, chế biến Barite	0891 (chính)
2	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: Lập đề án tìm kiếm, thăm dò khai thác khoáng sản; lập dự án, phương án khai thác khoáng sản.	0990
4	Sản xuất đồ gỗ xây dựng từ gỗ có nguồn gốc hợp pháp	1622
5	Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	47191
6	Vận tải hàng hoá bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) Chi tiết : Vận tải hàng hoá bằng xe ô tô tải (trừ ô tô chuyên dụng)	49332
7	Cho thuê ô tô	77101
8	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: lắp đặt hệ thống điện, hệ thống camera, hệ thống âm thanh.	43210
9	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất bột đá Cacbonat canxi(CaCO ₃)	2399
10	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
11	Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	47733
12	Đại lý	46101
13	Xây dựng công trình đường bộ	42102
14	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kè, đập, tràn	4290
15	Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	46633
16	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng công trình kênh, mương	4220
17	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
18	Xây dựng nhà các loại	4100
19	Chuẩn bị mặt bằng	43210
20	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác quặng Fenspat (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).	07229
21	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
22	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	43221
23	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dầu, mỡ bôi trơn và các sản phẩm làm mát động cơ.	4730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

24	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, gạch ốp, lát và thiết bị vệ sinh; xi măng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi và vật liệu xây dựng khác.	4752
25	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các nhà hàng chuyên doanh.	4763
26	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh.	4753
27	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
28	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	49321
29	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
30	Bốc xếp hàng hoá	5224
31	Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	77302
32	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác Chi tiết: dịch vụ photocopy	8219
33	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội nghị	8230
34	Bán buôn sắt, thép	46622
35	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	56101
36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê kiốt, văn phòng.	6810
37	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
38	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
39	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ rượu, bia, nước giải khát (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	47230
40	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán lẻ rượu, bia, nước giải khát (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện trong quy định của pháp luật).	4633
41	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thuốc lá (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện trong quy định của pháp luật).	47240
42	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Bán buôn thuốc lá (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4634
43	Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	47722
44	Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	46493
45	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá xây dựng, đá làm đường, đá vôi, cát, sỏi, đất sét, cao lanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0810
46	Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
47	Xuất khẩu các sản phẩm Barite	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống kinh tế Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là kinh doanh bán lẻ siêu thị và cho thuê văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Năm sử dụng ước tính
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị văn phòng	05 - 07

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất Trung tâm thương mại Tuyên Quang tại Tổ 6, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 15/01/2055.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước khác bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, tiền thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.136.848.316	1.160.517.150
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.650.443.033	11.109.166.145
Cộng	8.787.291.349	12.269.683.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Công nợ với khách hàng ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	814.609.145	1.785.359.422
- Khách hàng không phải là bên liên quan		
Công ty cổ phần QL và XD CTGT 487	86.549.872	101.549.872
Bùi Minh Đức	44.819.783	-
Công ty TNHH Hoàng Long	48.377.000	48.377.000
Công ty TNHH MTV Phú Gia	84.040.500	84.040.500
Công ty TNHH Gia Hưng Global	82.000.000	-
Các khách lẻ tại Siêu thị Tuyên Quang	71.533.654	-
Công ty TNHH sản xuất thương mại Tuyên Phú	13.192.400	72.992.400
Công ty cổ phần Barite Thái Bình	-	1.090.509.450
Công ty TNHH Hiệp Phú	207.870.000	267.000.000
Công ty TNHH Hồng Thịnh Tuyên Quang	172.225.936	116.890.200
Trung tâm tiếng Anh TOT	4.000.000	4.000.000
Cộng	814.609.145	1.785.359.422
b) Khách hàng trả trước ngắn hạn		
- Khách hàng không phải là bên liên quan	-	88.131.800
Các khách lẻ tại Siêu thị Tuyên Quang	-	88.131.800
Cộng	-	88.131.800

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	35.149.957	22.239.202
Thuế TNCN phải thu người lao động	3.149.957	1.739.202
Đặt cọc ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Tạm ứng	27.000.000	15.500.000
b) Dài hạn	514.767.939	514.767.939
Ký quỹ môi trường hoạt động khai thác mỏ	514.767.939	514.767.939
Cộng	549.917.896	537.007.141

4. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nợ phải thu khách hàng khó đòi	218.967.372	(175.692.436)	233.967.372	(175.692.436)
Công ty TNHH Hoàng Long	48.377.000	(48.377.000)	48.377.000	(48.377.000)
Công ty TNHH MTV Phú Gia	84.040.500	(84.040.500)	84.040.500	(84.040.500)
Công ty CP QL&XD CTGT 487	86.549.872	(43.274.936)	101.549.872	(43.274.936)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.150.396.163	-	1.273.348.777	-
Công cụ, dụng cụ	16.384.191	-	16.822.442	-
Hàng hóa	19.967.843.726	-	18.129.142.622	-
Cộng	21.134.624.080	-	19.419.313.841	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	24.205.945	93.395.179
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	24.205.945	93.395.179
b) Dài hạn	4.114.047.087	4.683.511.506
Thuê đất TTTM Tuyên Quang	3.457.127.426	3.562.367.306
Thuê mặt bằng Siêu thị Tuyên Quang 3	65.909.109	120.454.557
Thuê mặt bằng Siêu thị Tuyên Quang 4	231.250.000	381.250.000
Thuê mặt bằng Siêu thị Tuyên Quang 5	30.000.000	66.000.000
Mái sảnh TTTM	54.622.091	119.950.847
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	275.138.461	433.488.796

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN TUYẾN QUANG
Xóm Chanh, xã Thái Bình, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2020	30.913.622.197	23.448.350.288	9.180.231.533	323.447.478	63.865.651.496
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	851.428.571	-	851.428.571
Thanh lý, nhượng bán	-	-	851.428.571	-	851.428.571
Số dư tại 31/12/2020	30.913.622.197	23.448.350.288	8.328.802.962	323.447.478	63.014.222.925
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2020	14.858.005.893	23.448.350.288	9.180.231.533	323.447.478	47.810.035.192
Tăng trong năm	1.099.999.380	-	-	-	1.099.999.380
Khấu hao trong năm	1.099.999.380	-	-	-	1.099.999.380
Giảm trong năm	-	-	851.428.571	-	851.428.571
Thanh lý, nhượng bán	-	-	851.428.571	-	851.428.571
Số dư tại 31/12/2020	15.958.005.273	23.448.350.288	8.328.802.962	323.447.478	48.058.606.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2020	16.055.616.304	-	-	-	16.055.616.304
Tại 31/12/2020	14.955.616.924	-	-	-	14.955.616.924

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2020 là 40.123.030.783 VND, tại ngày 01/01/2020 là : 40.974.459.354 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình đã phân bổ hết khấu hao, trong đó:

- Nguyên giá quyền sử dụng đất: 1.321.130.037 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình khác: 55.960.857 VND.

9. Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	5.060.006.060	3.800.771.975
Công ty TNHH cơ khí đúc Bắc Trung Nam	-	162.979.073
Các nhà cung cấp cho Siêu thị Tuyên Quang	4.418.640.580	3.158.777.807
Công ty cổ phần công nghiệp Việt Mỹ	329.940.000	329.940.000
Công ty TNHH cơ khí đúc Tiến Đạt	233.179.480	36.447.995
Công ty TNHH đầu tư TM XD Phú Thành	78.246.000	112.627.100
Cộng	5.060.006.060	3.800.771.975

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính : VND

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
a) Phải nộp				
Thuế TNCN	3.149.957	3.149.957	599.104	599.104
Cộng	3.149.957	3.149.957	599.104	599.104
b) Phải thu				
Thuế TNDN (*)	-	-	250.000.000	250.000.000
Thuế, phí khác	-	370.673.367	406.859.467	36.186.100
Cộng	-	370.673.367	656.859.467	286.186.100

(*) Khoản thuế TNDN nộp thừa năm trước được bù trừ với nghĩa vụ thuế GTGT và được cơ quan thuế xác nhận.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lương phép	138.127.400	129.030.000
Chi phí lãi vay dự chi	2.301.370	10.931.506
Cộng	140.428.770	139.961.506

12. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu cho Công ty TNHH MTV An Lộc Thịnh Hà Giang thuê văn phòng.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	50.826.700	12.088.578
Lãi phải trả SCIC	563.306.201	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.857.893	5.392.717
Cộng	622.990.794	17.481.295

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2020 VND	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2020 VND
Vay ngắn hạn	10.000.000.000	10.500.000.000	15.500.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng Agribank - CN.Tuyên Quang	10.000.000.000	10.500.000.000	15.500.000.000	15.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	10.500.000.000	15.500.000.000	15.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang có thời hạn vay 06 tháng với lãi suất 7%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Trung tâm thương mại Tuyên Quang.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	14.444.879.555	(5.474.950.697)	33.969.928.858
Lãi trong năm trước	-	-	1.018.652.534	1.018.652.534
Số dư cuối năm trước	25.000.000.000	14.444.879.555	(4.456.298.163)	34.988.581.392
Lãi trong năm nay	-	-	157.838.701	157.838.701
Giảm khác (*)	-	-	(563.306.201)	(563.306.201)
Số dư cuối năm nay	25.000.000.000	14.444.879.555	(4.861.765.663)	34.583.113.892

(*) Là khoản lãi chậm nộp liên quan đến phần nộp về quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp các năm trước trong giai đoạn sau cổ phần hóa theo Công văn số 2069/BTC-TCĐN ngày 27/02/2020 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn Nhà nước (51%)	12.750.000.000	12.750.000.000
Vốn của các cổ đông là cá nhân (49%)	12.250.000.000	12.250.000.000
Bùi Thị Lượng	7.904.300.000	7.904.300.000
Phạm Thị Phương Anh	2.285.300.000	2.285.300.000
Các cổ đông khác	2.060.400.000	2.060.400.000
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	68.744.494.091	67.880.063.785
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.006.864.124	4.752.546.172
Cộng	72.751.358.215	72.632.609.957

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	3.259.000
Giảm giá hàng bán	107.389.781	105.566.700
Cộng	107.389.781	108.825.700

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	59.408.540.132	56.736.986.680
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.719.417.660	3.003.340.600
Cộng	62.127.957.792	59.740.327.280

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.172.363	7.826.937
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	14.008.461	10.625.465
Cộng	18.180.824	18.452.402

5. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	70.268.496	111.604.659
Cộng	70.268.496	111.604.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	875.210.655	976.973.705
Chi phí khấu hao	116.603.340	404.420.107
Thuế, phí và lệ phí	7.906.018	76.149.639
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.062.024	757.562.746
Các khoản chi phí QLDN khác	296.897.280	1.169.440.116
Cộng	1.663.679.317	3.384.546.313
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên bán hàng	5.262.989.472	5.737.065.625
Chi phí vật tư, thiết bị	651.283.412	769.742.745
Chi phí khấu hao	969.357.485	699.755.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.532.735.490	2.171.317.748
Cộng	9.416.365.859	9.377.881.704

7. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	136.363.635	823.762.909
Thu nhập từ hàng khuyến mại	295.784.948	45.305.362
Thưởng doanh số	247.705.671	115.174.240
Các khoản thu nhập khác	94.192.960	233.495.603
Cộng	774.047.214	1.217.738.114

8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	157.838.701	1.018.652.534
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được trừ	86.307	126.962.283
Thu nhập chịu thuế	157.925.008	1.145.614.817
Chuyển lỗ năm trước	(157.925.008)	(1.145.614.817)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	157.838.701	1.018.652.534
Số điều chỉnh giảm	-	-
Số điều chỉnh tăng	-	-
thông	157.838.701	1.018.652.534
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	63,14	407,46

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty còn phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Nguyễn Thế Tuyên	Giám đốc	Thu nhập trong năm	224.189.000
Trần Huy Dũng	Phó Giám đốc	Thu nhập trong năm	186.667.391
Lý Thị Hải Thảo	Kế toán trưởng	Thu nhập trong năm	181.103.091

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty không còn số dư công nợ với các bên liên quan khác.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có hai hoạt động chính là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại, dịch vụ khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam. Kết quả hoạt động trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 theo lĩnh vực kinh doanh như sau :

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Khai thác, bán khoáng sản	Bán vật tư và dịch vụ khác	Thu nhập, chi phí chung không phân bổ	Tổng cộng
Năm nay				
Doanh thu	-	72.751.358.215	-	72.751.358.215
Giảm trừ doanh thu	-	107.389.781	-	107.389.781
Doanh thu thuần	-	72.858.747.996	-	72.858.747.996
Giá vốn hàng bán	-	62.127.957.792	-	62.127.957.792
Lãi gộp	-	10.730.790.204	-	10.730.790.204
Doanh thu tài chính	-	-	18.180.824	18.180.824
Chi phí tài chính	-	-	70.268.496	70.268.496
Chi phí bán hàng	-	-	9.416.365.859	9.416.365.859
Chi phí quản lý	-	-	1.663.679.317	1.663.679.317
Thu nhập khác	-	-	774.047.214	774.047.214
Chi phí khác	-	-	86.307	86.307
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	157.838.701
Năm trước				
Doanh thu	3.483.790.890	69.148.819.067	-	72.632.609.957
Giảm trừ doanh thu	-	108.825.700	-	108.825.700
Doanh thu thuần	3.483.790.890	69.039.993.367	-	72.523.784.257
Giá vốn hàng bán	3.371.799.157	56.368.528.123	-	59.740.327.280
Lãi gộp	111.991.733	12.671.465.244	-	12.783.456.977
Doanh thu tài chính	-	-	18.452.402	18.452.402
Chi phí tài chính	-	-	111.604.659	111.604.659
Chi phí bán hàng	-	-	9.377.881.704	9.377.881.704
Chi phí quản lý	-	-	3.384.546.313	3.384.546.313
Thu nhập khác	-	-	1.217.738.114	1.217.738.114
Chi phí khác	-	-	126.962.283	126.962.283
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	1.018.652.534

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kế toán trưởng

Lý Thị Hải Thảo

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 03 năm 2021



Giám đốc

Nguyễn Thế Tuyên

